

Số: 16 /2025/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Thông tư 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ

trường Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định nội dung và nhiệm vụ chi duy tu bảo dưỡng đê điều, xử lý cấp bách sự cố đê điều trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 11/TTr-SNNMT ngày 06 tháng 3 năm 2025 và kết quả biểu quyết của các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp ngày 07 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 17 tháng 3 năm 2025, thay thế Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định về nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi và công trình đê, kè bảo vệ bờ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; bãi bỏ Điều 2, Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của UBND thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 34/2018/QĐ-UBND và Quyết định số 33/220/QĐ-UBND của UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Giám đốc Công an thành phố, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường; Trưởng ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị Tp ĐN;
- Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND thành phố;
- Chủ tịch và các PCT UBND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- UBMT TQVN TP, các tổ chức hội, đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố;
- Công an thành phố;
- Bộ Chỉ huy quân sự thành phố;
- UBND các quận, huyện, xã, phường;
- Chi cục quản lý Tài nguyên nước và Thủy lợi;
- Trung tâm Báo chí - Truyền hình Đà Nẵng;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: VT, Sở NN&MT (150 bản).

50/17

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Trung Chinh



QUY ĐỊNH

Về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi
và công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2025/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 3 năm 2025 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Đối với các công trình, hệ thống công trình thủy lợi và đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ trên địa bàn thành phố nhưng không thuộc thành phố quản lý hoặc được đầu tư bằng các nguồn vốn khác, việc tổ chức quản lý, khai thác, bảo vệ do chủ sở hữu (hoặc đại diện chủ sở hữu) quyết định trên cơ sở vận dụng Quy định này và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao nhiệm vụ quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống dẫn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp bằng bơm nước giếng khoan là hệ thống gồm giếng khoan ngầm có độ sâu từ 10m đến 50m và hệ thống điện (trụ điện, đường dây, đồng hồ điện).

2. Kè chống sạt lở bảo vệ bờ là công trình phòng chống thiên tai (chống xói lở bờ sông, bờ biển) nhằm phục vụ trực tiếp và gián tiếp cho việc sản xuất nông nghiệp (trừ các công trình kè chống sạt lở bảo vệ các bãi tắm công cộng, công viên công cộng ven biển, bảo vệ khu đô thị; kè bảo vệ công trình đường bộ).

3. Kè bảo vệ công trình đường bộ là kè chống xói lở để bảo vệ nền đường và chỉnh trị dòng nước (để bảo vệ đường bộ), nằm trong hoặc tiếp giáp với phạm vi đất dành cho đường bộ.

4. Kè đa mục tiêu là kè bảo vệ công trình đường bộ kết hợp với bảo vệ bờ.

Chương II **PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Điều 3. Phân loại công trình thủy lợi, điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

1. Phân loại công trình thủy lợi quy định tại khoản 1, Điều 1 Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

2. Điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi được quy định tại Điều 16 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Điều 4. Quản lý công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân thành phố quản lý các công trình thủy lợi

a) Các công trình, hệ thống công trình thủy lợi liên tỉnh được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân cấp cho UBND thành phố Đà Nẵng quản lý tại Phụ lục II Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi: Đập dâng An Trạch, đập dâng Hà Thanh và công trình trong thành phố (thuộc hệ thống thủy lợi An Trạch).

b) Hồ chứa lớn, vừa và nhỏ.

c) Đập dâng lớn, vừa và nhỏ mà phạm vi phục vụ tưới từ hai xã (hoặc cấp hành chính tương đương) trở lên hoặc phục vụ tưới trong hệ thống các công trình thủy lợi có liên quan.

d) Trạm bơm lớn, vừa, trạm bơm nhỏ mà phạm vi phục vụ tưới hai xã (hoặc cấp hành chính tương đương) trở lên hoặc phục vụ tưới trong hệ thống các công trình thủy lợi có liên quan.

đ) Kênh, mương, đường ống dẫn nước và các công trình trên kênh thuộc hệ thống công trình thủy lợi được tính từ công trình đầu mối đến vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; các tuyến kênh tiêu lớn.

e) Hệ thống dẫn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp bằng bơm nước giếng khoan.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý các công trình thủy lợi

a) Các công trình thủy lợi (đập dâng, trạm bơm) nhỏ mà phạm vi phục vụ tưới độc lập trong một đơn vị cấp xã (hoặc cấp hành chính tương đương) trừ các công trình đã giao quản lý tại khoản 1 Điều này.

b) Các công trình kênh, mương, đường ống dẫn nước tưới, các công trình trên kênh thuộc các hệ thống công trình thủy lợi đã được giao cho cấp huyện quản lý, khai thác, bảo vệ tại điểm a, khoản 2 Điều này; hệ thống thủy lợi nội đồng trong phạm vi từ sau vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đến khu đất canh tác; các tuyến kênh tiêu vừa và nhỏ.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Danh mục công trình thủy lợi theo khoản 1, khoản 2 Điều này.

Chương III

QUẢN LÝ, KHAI THÁC, BẢO VỆ, BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 5. Nhiệm vụ quản lý công trình và tài sản công trình thủy lợi

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là chủ quản lý các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý; thực hiện quản lý các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cho cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi là chủ quản lý các công trình thủy lợi được giao quản lý và thực hiện quản lý các công trình thủy lợi.

3. Giao nhiệm vụ quản lý tài sản công trình thủy lợi

a) Giao Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Đà Nẵng quản lý tài sản các công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý theo quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 6 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc giao quản lý tài sản hạ tầng thủy lợi được giao quản lý theo quy định tại Nghị định số 08/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Phương thức khai thác công trình thủy lợi

Phương thức khai thác công trình thủy lợi được xác định theo điểm đ, khoản 1, Điều 14 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP và Điều 23 Luật Thủy lợi, cụ thể:

1. Công trình thủy lợi lớn giao cho Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Đà Nẵng quản lý, khai thác và bảo vệ theo phương thức đặt hàng.

2. Công trình thủy lợi không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

3. Việc đấu thầu hoặc đặt hàng khai thác công trình thủy lợi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2020 và Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng Quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các quy định khác có liên quan.

Điều 7. Bảo vệ công trình thủy lợi

Công trình thủy lợi do cơ quan, tổ chức cấp nào quản lý, khai thác thì cơ quan, tổ chức cấp đó chịu trách nhiệm tổ chức bảo vệ công trình theo quy định của Luật Thủy lợi; Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Điều 8. Bảo trì công trình thủy lợi

1. Quy định về bảo trì công trình thủy lợi

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 05 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Trách nhiệm thực hiện bảo trì công trình thủy lợi

a) Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo việc bảo trì công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý.

b) Các tổ chức, cá nhân được lựa chọn khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi có trách nhiệm bảo trì công trình thủy lợi.

3. Kinh phí thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

Kinh phí thực hiện bảo trì công trình thủy lợi thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và Điều 18 Thông tư số 05/2019/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Trưởng

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

Chương IV

GIAO NHIỆM VỤ QUẢN LÝ, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐÊ, KÈ CHỐNG SẠT LỞ BẢO VỆ BỜ

Điều 9. Giao nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình và tài sản công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ

1. Giao nhiệm vụ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý, bảo vệ các công trình và tài sản công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ (quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quy định này) trên địa bàn thành phố.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Danh mục công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ quản lý tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Duy tu, bảo dưỡng công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ

1. Nội dung chi duy tu, bảo dưỡng công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định nội dung, nhiệm vụ chi duy tu, bảo dưỡng đê điều và xử lý sự cố khẩn cấp đê điều trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các quy định pháp luật khác về bảo trì, duy tu, bảo dưỡng có liên quan.

2. Nguồn kinh phí chi duy tu, bảo dưỡng công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ

Nguồn kinh phí chi duy tu, bảo dưỡng công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ từ nguồn ngân sách thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức quản lý, khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này và quản lý, bảo vệ các công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ được giao nhiệm vụ tại Điều 9 của Quy định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan lập danh mục và rà soát hàng năm danh mục công trình thủy lợi và đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo thực hiện.

c) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực nhiệm vụ quản lý nhà nước về công trình thủy lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Thủy lợi và các quy định của pháp luật khác có liên quan; quản lý nhà nước về công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ theo quy định của Luật Đê điều, Luật Phòng chống thiên tai và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

d) Lập quy hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi và hành lang bảo vệ công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ, công qua đê, bãi sông theo quy định của Luật Đê điều và Luật Đất đai.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức kiểm tra thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về khai thác cát, sỏi trên sông, hồ, vùng cửa sông ven biển; bảo vệ, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông thuộc thẩm quyền trên địa bàn thành phố và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hành lang bảo vệ nguồn nước; tổ chức điều tra, đánh giá quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông trên các sông để đảm bảo an toàn công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan lập và quản lý quy hoạch xây dựng công trình ở bãi sông ngoài phạm vi bảo vệ đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ và đảm bảo hành lang thoát lũ của các sông trên địa bàn thành phố.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống cấp thoát nước đô thị, khu công nghiệp nằm trong hệ thống công trình thủy lợi, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, phân loại kè bảo vệ công trình đường bộ, kè đa mục tiêu trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao quản lý, bảo vệ theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn các quy định về chế độ kế toán, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và công trình đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ.

b) Trên cơ sở dự toán kinh phí do các đơn vị, địa phương đề nghị, tham mưu UBND thành phố báo cáo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, các địa phương và các đơn vị quản lý công trình thủy lợi, đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ chỉ đạo và hiệp đồng với các lực lượng địa phương triển khai lực lượng tham gia khắc phục sự cố công trình thủy lợi và đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ khi xảy ra tình huống thiên tai.

5. Công an thành phố: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, các địa phương và các đơn vị quản lý công trình thủy lợi, đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ chỉ đạo, hướng dẫn lực lượng công an kiểm tra, ngăn chặn và xử lý các vi phạm pháp luật về công trình thủy lợi và đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ.

6. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- a) Thực hiện việc bàn giao, nhận các công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp theo đúng Quy định này.
- b) Đánh giá, xác định giá trị tài sản đối với các công trình thủy lợi thuộc diện bàn giao theo hướng dẫn của Sở Tài chính và các quy định hiện hành để thực hiện phân cấp theo đúng quy định.
- c) Chỉ đạo và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi ở cơ sở phù hợp theo quy định của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
- d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc quản lý, bảo vệ đê, kè chống sạt lở bảo vệ bờ.
- đ) Thực hiện trách nhiệm được giao tại khoản 2 Điều 57 Luật Thủy lợi và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

7. Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi

- a) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận quản lý, khai thác các công trình thủy lợi theo đúng quy định này.
- b) Thực hiện các nội dung về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi quy định tại Điều 54 Luật Thủy lợi và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu có những vấn đề không phù hợp cần sửa đổi, bổ sung, các ngành, địa phương, đơn vị có ý kiến đề xuất, kiến nghị về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.